

**CHƯƠNG TRÌNH NHÀ NƯỚC KC.08
ĐỀ TÀI KC.08.03**

**UBND TP. ĐÀ NẴNG
SỞ KH&CN**

BÁO CÁO TỔNG HỢP ĐỀ TÀI

NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG QUY HOẠCH MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

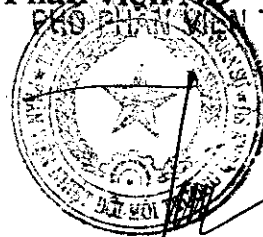
*(Báo cáo đã được chỉnh sửa theo Biên bản kết luận của Hội đồng nghiệm
thu ngày 6/12/2003)*

Chủ nhiệm đề tài

PGS.TS PHÙNG CHÍ SỸ

Cơ quan thực hiện

**Phân viện ND - MTQS
KHO PHÂN VIỆN TRƯỞNG**



Thượng tá Nguyễn Chế Giản

TP. ĐÀ NẴNG, T.12-2003

5238

14.4.05.

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
DANH MỤC CÁC BẢNG	7
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	8
CÁC CHỮ VIẾT TẮT	9
MỞ ĐẦU	10
<u>CHƯƠNG I</u>	
TỔNG QUAN VỀ HIỆN TRẠNG VÀ QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG ĐẾN NĂM 2010 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020	
I.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN	16
I.1.1. Vị trí địa lý	16
I.1.2. Đặc điểm tự nhiên	16
I.1.3. Tài nguyên	17
I.2. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI	18
I.2.1. Cơ cấu kinh tế	18
I.2.2. Dân số và nguồn lực	18
I.2.3. Hiện trạng phát triển đô thị	19
I.2.4. Y tế cộng đồng	21
I.2.5. Cấp, thoát nước	22
I.2.6. Hiện trạng giao thông	22
I.2.7. Hiện trạng phát triển công nghiệp	25
I.2.8. Hiện trạng phát triển Nông – Lâm – Thủy sản	27
I.2.9. Hiện trạng phát triển du lịch	30
I.3. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG ĐẾN NĂM 2010 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020	32
I.3.1. Quan điểm phát triển	32
I.3.2. Các mục tiêu chính	32
I.3.3. Cơ cấu kinh tế	33
I.3.4. Định hướng phát triển đô thị	33

I.3.5. Quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật	38
I.3.6. Quy hoạch phát triển hệ thống y tế cộng đồng	40
I.3.7. Quy hoạch phát triển công nghiệp	41
I.3.8. Quy hoạch phát triển Nông – Lâm – Thủy sản	42

CHƯƠNG II

PHÂN VÙNG LÃNH THỔ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG PHỤC VỤ QUY HOẠCH MÔI TRƯỜNG

II.1. MỤC TIÊU PHÂN VÙNG	47
II.2. TIÊU CHÍ PHÂN VÙNG	47
II.3. CẤU TRÚC ĐỊA HÌNH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	47
II.4. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN KHU CHỨC NĂNG PHÁT TRIỂN KTXH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	49
II.2. PHÂN VÙNG LÃNH THỔ PHỤC VỤ QUY HOẠCH MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	50

CHƯƠNG III

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

III.1. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	52
III.1.1. Môi trường đô thị	52
III.1.2. Môi trường công nghiệp	57
III.1.3. Môi trường nông thôn	64
III.1.4. Môi trường biển	65
III.1.5. Hiện trạng rừng	67
III.2. HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ MÔI TRƯỜNG	68
III.2.1. Hệ thống tổ chức quản lý Nhà nước về môi trường	68
III.2.2. Hoạt động quản lý Nhà nước về môi trường	69
III.2.3. Các vấn đề quản lý môi trường	70

CHƯƠNG IV

DỰ BÁO DIỄN BIẾN MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2010 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

IV.1. CÁC NGUYÊN NHÂN LÀM PHÁT SINH VÀ GIA TĂNG CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG	72
IV.1.1. Mâu thuẫn trong quá trình sử dụng tài nguyên môi trường	72
IV.1.2. Gia tăng dân số	72
IV.1.3. Quá trình đô thị hoá và công nghiệp hoá	73
IV.1.4. Phát triển Nông – Lâm – Thủy sản	73
IV.1.5. Phát triển du lịch	73
IV.2. DỰ BÁO DIỄN BIẾN MÔI TRƯỜNG	74
IV.2.1. Dự báo xu thế biến đổi môi trường đô thị	74
IV.2.2. Dự báo xu thế biến đổi môi trường công nghiệp	78
IV.2.2. Dự báo xu thế biến đổi môi trường, sinh thái các vùng nông thôn	81
IV.2.3. Dự báo xu thế biến đổi môi trường, sinh thái biển	82
IV.3. NHẬN ĐỊNH VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG CẤP BÁCH, NHỮNG KHU VỰC Ô NHIỄM VÀ SUY THOÁI NGHIÊM TRỌNG TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	83
IV.3.1. Những vấn đề môi trường cấp bách gắn với quá trình đô thị hóa	83
IV.3.2. Những vấn đề môi trường cấp bách gắn với quá trình công nghiệp hóa	84
IV.3.3. Những vấn đề môi trường cấp bách gắn với phát triển nông nghiệp	86
IV.3.4. Những vấn đề môi trường cấp bách gắn với phát triển lâm nghiệp	86
IV.3.5. Những vấn đề môi trường cấp bách gắn với phát triển thủy sản	86
IV.3.6. Những vấn đề môi trường cấp bách gắn với phát triển du lịch	87
IV.3.7. Những vấn đề môi trường cấp bách gắn với môi trường biển	88
IV.3.8. Các sự cố môi trường	88
IV.3.9. Ô nhiễm môi trường do chất độc hóa học chiến tranh tồn lưu	90

CHƯƠNG V

ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP QUY HOẠCH MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG GẮN VỚI QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2010 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

V.1. QUAN ĐIỂM QUY HOẠCH MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	91
V.2. MỤC TIÊU QUY HOẠCH MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	91
V.3. ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP QUY HOẠCH MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	92
V.3.1. Quy hoạch quản lý và sử dụng nguồn nước	92
V.3.2. Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải	93
V.3.3. Quy hoạch bãi chôn lấp chất thải rắn	93
V.3.4. Quy hoạch hệ thống quan trắc và giám sát môi trường	94
V.3.5. Quy hoạch hệ thống cây xanh đô thị	95
V.3.6. Quy hoạch hệ thống phòng chống sự cố môi trường	96
V.4. XÁC ĐỊNH CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN, VÙNG ƯU TIÊN VÀ ƯỚC TÍNH KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2010 VÀ NĂM 2020	96
V.4.1. Đề xuất các dự án nhằm thực hiện quy hoạch môi trường thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn 2002 – 2020	96
V.4.2. Xác định các dự án ưu tiên	100
V.5. ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP NHẪM THỰC HIỆN QUY HOẠCH MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	109
V.5.1. Giải pháp về kinh tế	109
V.5.2. Giải pháp về tổ chức và tăng cường năng lực	111
V.5.3. Giải pháp về giáo dục, đào tạo, nâng cao nhận thức môi trường	113
V.5.4. Giải pháp khoa học công nghệ	114
V.5.5. Giải pháp về hợp tác trong nước và hợp tác quốc tế	115

CHƯƠNG VI

LẬP BẢN ĐỒ QUY HOẠCH MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG GẮN VỚI QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP ĐẾN NĂM 2010 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

VI.1. CƠ SỞ DỮ LIỆU	116
VI.1.1. Thu thập cơ sở dữ liệu	116
VI.1.2. Phần mềm sử dụng	116
VI.2. LẬP BẢN ĐỒ NỀN	116
VI.2.1. Lựa chọn tỷ lệ bản đồ	116
VI.2.2. Lập bộ bản đồ nền	117
VI.3. LẬP CÁC BẢN ĐỒ CHUYÊN ĐỀ	117
VI.4. LẬP BẢN ĐỒ TỔNG HỢP CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG	118
VI.5. LẬP BẢN ĐỒ QUY HOẠCH MÔI TRƯỜNG	124

CHƯƠNG VII

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

VII.1. NHỮNG VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG CẦN QUAN TÂM GIẢI QUYẾT	125
VII.1.1. Những vấn đề về hiện trạng môi trường	125
VII.1.2. Những vấn đề về hiện trạng quản lý môi trường	125
VII.1.3. Dự báo các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình phát triển thành phố đến năm 2020	126
VII.2. XÁC LẬP CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG ƯU TIÊN	127
KẾT LUẬN	129
TÀI LIỆU THAM KHẢO	131
PHỤ LỤC CÁC BẢN ĐỒ	133
(Trình bày trong một tập báo cáo riêng)	

DANH MỤC CÁC BẢNG

- Bảng 1.1. Một số chỉ tiêu kinh tế thành phố Đà Nẵng
- Bảng 1.2. Hiện trạng sử dụng đất thành phố Đà Nẵng đến năm 2002
- Bảng 1.3. Dân số đô thị Đà Nẵng đến 31/12/2002
- Bảng 1.4. Hoạt động y tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng
- Bảng 1.5. Tổng hợp khối lượng vận chuyển hành khách, hàng hoá một số năm tại thành phố Đà Nẵng
- Bảng 1.6. Số cơ sở sản xuất ngành công nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng
- Bảng 1.7. Hiện trạng thực hiện đầu tư tại các KCN
- Bảng 1.8. Giá trị sản xuất Nông – Lâm – Thủy sản (tính theo giá hiện hành)
- Bảng 1.9. Biến động về diện tích rừng năm 2001 – 2002
- Bảng 1.10. Sản phẩm chủ yếu ngành thủy sản
- Bảng 1.11. Dự báo một số chỉ tiêu về phát triển kinh tế thành phố Đà Nẵng đến năm 2020
- Bảng 1.12. Định hướng quy hoạch các cụm công nghiệp
- Bảng 1.13. Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp giai đoạn 2001 – 2010
- Bảng 2.1. Các thể địa môi trường thành phố Đà Nẵng
- Bảng 3.1. Kết quả kiểm tra chất lượng không khí tại một số vị trí ô nhiễm điển hình
- Bảng 3.2. Tải lượng các chất ô nhiễm sinh ra trong quá trình vận chuyển hàng hoá
- Bảng 3.3. Tải lượng một số chất ô nhiễm trên QL1A và QL14B
- Bảng 3.4. Chất lượng nước mặt thành phố Đà Nẵng
- Bảng 3.5. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt thành phố Đà Nẵng
- Bảng 3.6. Phân bố các cơ sở SXKD tại Tp.Đà Nẵng
- Bảng 3.7. Danh sách các cơ sở công nghiệp có nước thải tại KCN Hoà Khánh
- Bảng 3.8. Hiện trạng quy hoạch các cụm công nghiệp
- Bảng 3.9. Kết quả kiểm tra chất lượng nước thải một số cơ sở nằm ngoài KCN
- Bảng 3.10. Kết quả kiểm tra chất lượng không khí tại một số cơ sở nằm ngoài KCN
- Bảng 3.11. Công trình vệ sinh huyện Hoà Vang
- Bảng 3.12. Kết quả quan trắc của Sở KH&CN&MT Đà Nẵng
- Bảng 3.13. Kết quả lấy mẫu phân tích bổ sung
- Bảng 4.1. Dự báo dân số đô thị thành phố Đà Nẵng
- Bảng 4.2. Dự báo tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt đô thị thành phố Đà Nẵng theo các năm

- Bảng 4.3. Dự báo nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt đô thị thành phố Đà Nẵng theo các năm
- Bảng 4.4. Dự báo lượng chất thải rắn sinh hoạt theo các năm tại Đà Nẵng
- Bảng 4.5. Dự báo số giường bệnh và khối lượng rác y tế theo các năm
- Bảng 4.6. Dự báo khối lượng và tỷ lệ đảm nhận các phương thức vận tải
- Bảng 4.7. Dự báo tải lượng các chất ô nhiễm trong không khí do hoạt động giao thông đường bộ gây ra tại thành phố Đà Nẵng
- Bảng 4.8. Nồng độ trung bình các chất ô nhiễm trong nước thải của KCN
- Bảng 4.9. Dự báo lưu lượng nước thải và tải lượng các chất ô nhiễm tại các KCN và cụm CN thành phố Đà Nẵng
- Bảng 4.10. Dự báo tải lượng các chất ô nhiễm không khí sinh ra từ các KCN và cụm CN thành phố Đà Nẵng
- Bảng 4.11. Dự báo tải lượng CTRCN và CTNH tại các KCN và cụm CN thành phố Đà Nẵng
- Bảng 4.12. Tổng hợp theo ngành nghề các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng
- Bảng 4.13. Tổng hợp theo địa bàn quận, huyện các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng
- Bảng 4.14. Tổng hợp theo ngành nghề các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường
- Bảng 4.15. Thống kê lượng dầu tràn một số năm tại Việt Nam
- Bảng 5.1. Ma trận xác định các dự án ưu tiên BVMT đô thị
- Bảng 5.2. Ma trận xác định các dự án ưu tiên BVMT công nghiệp
- Bảng 5.3. Ma trận xác định các dự án ưu tiên BVMT du lịch
- Bảng 5.4. Ma trận xác định các dự án ưu tiên BVMT biển
- Bảng 5.5. Ma trận xác định các dự án ưu tiên BVMT nông thôn
- Bảng 5.6. Tổng hợp các ma trận
- Bảng 5.7. Các dự án đang triển khai tại thành phố Đà Nẵng
- Bảng 6.1. Tiêu chuẩn đánh giá mức độ phù hợp
- Bảng 6.2. Ma trận lập bản đồ tổng hợp hiện trạng chất lượng môi trường
- Bảng 6.3. Ma trận lập bản đồ tổng hợp dự báo chất lượng môi trường

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

- Hình 1.1. Dân số thành phố Đà Nẵng theo quận/huyện
- Hình 1.2. Mật độ dân số toàn thành phố
- Hình 3.1. Sơ đồ tổ chức quản lý nhà nước về môi trường tại Tp. Đà Nẵng
- Hình 4.1. Các nguyên nhân chính gây tràn dầu do các hoạt động tàu thuyền

CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ADB	– Asian Development Bank
BVMT	– Bảo vệ Môi trường
BĐQHMT	– Bản đồ quy hoạch môi trường
BĐTHCLMT	– Bản đồ tổng hợp chất lượng môi trường
CN	– Công nghiệp
CCN	– Cụm công nghiệp
CTRCN	– Chất thải rắn công nghiệp
CTNH	– Chất thải nguy hại
CNH, HĐH	– Công nghiệp hoá, hiện đại hoá
CEETIA	– Trung tâm Kỹ thuật Môi trường Đô thị và Công nghiệp
ĐTM	– Đánh giá tác động môi trường
ĐTMCL	– Đánh giá tác động môi trường chiến lược
ĐT	– Đô thị
EP	– Environmental Planning
ENTEC	– Trung tâm Công nghệ Môi trường
GIS	– Hệ thống tin địa lý
GDP	– Tổng sản phẩm quốc nội
GTVT	– Giao thông vận tải
GTCC	– Giao thông công chính
KTXH	– Kinh tế xã hội
KHCN	– Khoa học công nghệ
KHCN&MT	– Khoa học Công nghệ và Môi trường
KH-ĐT	– Kế hoạch-Đầu tư
KCN	– Khu công nghiệp
LN	– Lâm nghiệp
NN	– Nông nghiệp
QHMT	– Quy hoạch môi trường
QHPT KTXH	– Quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội
SEA	– Strategy Environmental Assessment
SXKD	– Sản xuất kinh doanh
TCVN	– Tiêu chuẩn Việt Nam
TCCP	– Tiêu chuẩn cho phép
TNTN	– Tài nguyên thiên nhiên
TN&MT	– Tài nguyên và Môi trường
TTCN	– Tiểu thủ công nghiệp
UBND	– Ủy ban nhân dân
VKTTĐMT	– Vùng Kinh tế Trọng điểm miền Trung
WB	– World bank

MỞ ĐẦU

1. Đặt vấn đề:

Hiện nay, vấn đề quy hoạch môi trường đã được quan tâm và phát triển ở nhiều nước trên thế giới. Đặc biệt tại những quốc gia phát triển như Úc, Mỹ, Nhật Bản... Một số tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) ... đã ban hành nhiều tài liệu hướng dẫn và giới thiệu kinh nghiệm về quy hoạch môi trường ở nhiều nước trên thế giới. Trong thời gian qua ADB đã xuất bản 3 tập tài liệu liên quan tới quản lý và quy hoạch môi trường, tài nguyên thiên nhiên tại khu vực Châu Á –Thái Bình Dương. Tập 3 của ADB là “Hướng dẫn Quy hoạch thống nhất phát triển kinh tế kết hợp với môi trường vùng – Tổng quan về các nghiên cứu quy hoạch phát triển môi trường vùng tại châu Á” (“Guidelines for Intergrated Regional Economic-cum-Environmental Development Planning- A Review of Regional Environmental Development Planning Studies in Asia”). Trong tập tài liệu này ADB cũng đã phân tích kinh nghiệm quy hoạch môi trường vùng cho 8 dự án khác nhau bao gồm : Lưu vực hồ Laguna và vùng Palawan (Philippin); Lưu vực sông Hàn (Hàn Quốc), Lưu vực hồ Songkla; vùng Eastern Seaboard, vùng công nghiệp Samutprakarn (Thái Lan), vùng Segara Anakan (Indonesia); thung lũng Klang (Malaysia). Trên cơ sở phân tích các kinh nghiệm nêu trên, ADB đã xây dựng Hướng dẫn Quy hoạch thống nhất phát triển kinh tế kết hợp với môi trường vùng và Quy trình xây dựng quy hoạch môi trường vùng.

Tại Việt Nam, ngày 25/6/1998 Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 36-CT/TW về “Tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”. Một trong những nội dung quan trọng nhằm thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị là xây dựng tầm nhìn, chiến lược, quy hoạch và kế hoạch bảo vệ môi trường. Trước khi thành lập Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Cục Môi trường đã xây dựng tầm nhìn đến năm 2020 về bảo vệ môi trường, chiến lược quốc gia về bảo vệ môi trường đến năm 2010, quy hoạch môi trường đến năm 2010 cho một số vùng kinh tế trọng điểm (Đồng bằng Sông Hồng, Vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung, Đồng bằng Sông Cửu Long, Miền Đông Nam Bộ), Kế hoạch Quốc gia về môi trường đến năm 2005. Ở quy mô cấp tỉnh, đã có một số tỉnh thành đã và đang xây dựng quy hoạch BVMT như TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bến Tre, Vĩnh Long, Bình Thuận, Quảng Ngãi... Cục Môi trường đã đặt vấn đề nghiên cứu cơ sở khoa học quy hoạch môi trường và xây dựng bản hướng dẫn quy hoạch môi trường.